

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 25/01/2021

Về việc: “*Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đức.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **N.T.P**, sinh năm 1991

Địa chỉ HKTT: Ấp TB, xã VT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ , ấp TP, xã CT, huyện TT, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Anh **D.V.L**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp TB, xã VT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N.T.P trình bày như sau:** Chị và anh D.V.L do mai mối, tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/10/2012. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên ăn nhậu, quậy phá gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh L không thay đổi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.V.L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do chị P bận công việc không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, chị P có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh L đến để tiến hành hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Về hôn nhân: Chị P được ly hôn anh L. Về con chung: Không có. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị P yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị N.T.P (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Anh D.V.L (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh L kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/10/2012 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng chị P và anh L phát sinh mâu thuẫn, chị P xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị PhPương cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên ăn nhậu, quậy phá gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 tới nay. Tòa án đã triệu tập anh L để tham gia phiên hòa giải nhưng anh L cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị P thể hiện anh L không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị P và anh L thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P xác định giữa chị và anh L không có con chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị P không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị P và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.P.

\* Về hôn nhân: Chị N.T.P được ly hôn với anh D.V.L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 125/KH, quyền số 01/2012 ngày 24/10/2012 do Ủy ban nhân dân xã VT, huyện Thoại Sơn cấp cho chị N.T.P và anh D.V.L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 25/01/2021)

\* Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Về án phí sơ thẩm: Chị N.T.P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003978 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị P và anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**